TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 4 - 2022
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Hải

2. Bà Ngô Hồng Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2021/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Yến L**, sinh năm: 1989
Địa chỉ: Ấp 1A, xã L, huyện C, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Tấn T**, sinh năm: 1985
Địa chỉ: Ấp 1A, xã L, huyện C, tỉnh Long An

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/12/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến L trình bày như sau: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An, hôn nhân do tìm hiểu tự nguyện. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T đi làm xa cuối tuần mới về nhà một lần nhưng không quan tâm chăm sóc vợ con, không chia sẻ với chị công việc gia đình nên làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ tháng 8/2021 chị ra thuê nhà trọ ở và vợ chồng đã sống ly

thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Trung N, sinh ngày 14/5/2011, hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu để anh T tiếp tục nuôi con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Huỳnh Tấn T trình bày tại biên bản hòa giải ngày 14/02/2022 của Tòa án như sau: Về thời gian cưới, đăng ký kết hôn chị L trình bày là đúng. Giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, anh vẫn đi làm đưa tiền về cho vợ lo toan gia đình; anh đi làm xa mỗi tháng về nhà được 02 ngày và trong nhà cũng không có việc gì để làm chứ không phải anh không chia sẻ công việc nhà với vợ. Từ tháng 8/2021 chị L tự ý bỏ đi thuê nhà trọ ở, anh có đến gặp chị L giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng quay về tiếp tục chung sống nhiều lần nhưng chưa được. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì vẫn còn thương vợ, anh xin Tòa án cho anh thêm thời gian để thuyết phục vợ quay về.

Về con chung: Có 01 đứa con chung như chị L trình bày. Trường hợp Tòa án tuyên xử cho vợ chồng anh ly hôn thì anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Huỳnh Tấn T nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Yến L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Tấn T là quan hệ pháp luật "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.2] Chị L và anh T cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị L cương quyết xin được ly hôn với anh T vì anh T không quan tâm chăm sóc vợ con dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc được nữa.

[2.3] Xét thấy tại phiên hòa giải của Tòa án anh T không đồng ý ly hôn với chị L với lý do còn thương vợ nhưng lại không đến tham gia phiên tòa từ đó cho thấy anh T cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị L để vợ chồng quay về tiếp tục chung sống. Do đó áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Yến L được ly hôn với anh Huỳnh Tấn T.

[2.4] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Trung N, sinh ngày 14/5/2011, hiện đang sống với anh T. Chị L yêu cầu để anh T được tiếp tục nuôi con và chị L không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy tại phiên hòa giải anh T cũng đồng ý tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L để anh T được tiếp tục nuôi con chung và chị L tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến L được ly hôn với anh Huỳnh Tấn T.

2. Về nuôi con chung: Anh Huỳnh Tấn T được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Trung N, sinh ngày 14/5/2011. Chị Nguyễn Thị Yến L tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0005667 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ YẾN TRINH